

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 55/2019/TLST-VHNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc “Công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Ông **Đặng Duy L**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 196/1, ấp số 1, xã K, huyện KS, tỉnh S.

- Người yêu cầu: Bà **Trần Ngọc T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 370, đường L, khóm N, phường B, thành phố S, tỉnh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc T và ông Đặng Duy L tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 07/02/2014. Trong thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cảm thấy sống không hợp nhau và đã không chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Trần Ngọc T và ông Đặng Duy L.

[2]. Về con chung: Bà Trần Ngọc T và ông Đặng Duy L thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Trần Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Ngọc Kim A, sinh ngày 04/4/2019 đến tuổi trưởng thành. Ông Đặng Duy L cấp dưỡng nuôi con cho cháu A mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi. Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của ông bà phù hợp với pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các bên và phù hợp với Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Sau khi ly hôn, ông Đặng Duy L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Đặng Ngọc Kim A không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu.

[4]. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Ngọc T đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Ông Đặng Duy L đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Xét thấy, sự thỏa thuận của ông bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1990 và ông Đặng Duy L, sinh năm 1989 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Trần Ngọc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đặng Ngọc Kim A, sinh ngày 04/4/2019 đến tuổi trưởng thành. Ông Đặng Duy L cấp dưỡng nuôi con cho cháu A mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông Đặng Duy L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Đặng Ngọc Kim A không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Trần Ngọc T và ông Đặng Duy L trình bày: không có nên không yêu cầu.

- Về nợ chung: Bà Trần Ngọc T và ông Đặng Duy L trình bày: không có nên không yêu cầu.

- Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Ngọc T đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Ông Đặng Duy L đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu số 0007494 và số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng ông L đã nộp theo biên lai thu số 0007495 cùng ngày 07/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà T, ông L đã nộp xong lệ phí sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND-TPST;
- Chi cục THADS-TPST;
- Tòa án nhân dân TST;
- UBND phường 3, TPST;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lý Bích Khiêm

